

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 498/2019/DS-ST
Ngày: 13-08-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B TP. H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông A G V.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị T O;

2. Bà Nguyễn TV.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn T H – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Đồng V N - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 08 năm 2019 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 174/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 04 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 06 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 165/2018/QĐST-DS ngày 18 tháng 07 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín

Địa chỉ: Lầu 8 số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm – Tổng giám đốc

Người đại diện hợp pháp của bà Diễm:

Ông Lê Nguyễn Khoa Nguyên – Phó Giám đốc trung tâm Thẻ Sacombank

Là người đại diện theo ủy quyền.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyên:

Ông Trần Đức Thắng – Nhân viên Ngân hàng

Là người đại diện theo ủy quyền.

Bị đơn: Ông Bùi X H, sinh năm 1970

Địa chỉ: Nhà số D20/24/3, ấp 4A, xã V L B, huyện B, Thành phố H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín có ông Trần Đức Thắng đại diện trình bày:

Ngày 30/06/2010 ông H có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,15%/ tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Hồng đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 52.883.000 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông H phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 70.247.747 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
- + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 16/12/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 3.278.429 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 13/08/2019, ông H còn nợ các khoản sau (chi tiết lãi quá hạn, dư nợ trong sao kê tóm tắt đính kèm):

- Nợ gốc: 3.278.429 đồng
- Lãi quá hạn: 3.049.911 đồng
- Tổng cộng : 6.328.340 đồng (Sáu triệu ba trăm hai mươi tám ngàn ba trăm bốn mươi đồng)

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 3.278.429 đồng với lãi suất quá hạn là 3,225%/ tháng (2,15% x150%) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông H, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn ông Bùi X H:

1. Buộc ông Bùi X H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 13/08/2019 là 6.328.340 đồng (Sáu triệu ba trăm hai mươi tám ngàn ba trăm bốn mươi đồng) trong đó:

- Nợ gốc: 3.278.429 đồng
- Lãi quá hạn: 3.049.911 đồng

2. Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 14/08/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Bùi X H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ kiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm c Khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín yêu cầu Tòa án buộc ông Bùi X H trả số tiền 6.328.340 đồng (Sáu triệu ba trăm hai mươi tám ngàn ba trăm bốn mươi đồng) bao gồm nợ gốc: 3.278.429 đồng, lãi quá hạn: 3.049.911 đồng và khoản lãi phát sinh từ ngày 14/08/2019 cho đến khi trả hết nợ. Về án phí: Ông Bùi X H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật: Vụ án được thụ lý sau ngày 01 tháng 7 năm 2017 nên áp dụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hợp đồng vay tài sản phát sinh tranh chấp được xác lập vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực nên áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và các văn bản pháp luật có liên quan để giải quyết.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín khởi kiện yêu cầu ông Bùi Xuân Hồng phải thực hiện nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng tín dụng do vậy quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 30, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Bùi X H đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Đại diện nguyên đơn ông Trần Đ T cũng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Bùi X H không có mặt, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ, văn bản trình bày ý kiến về vụ kiện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định pháp luật nên ông Bùi X H phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Tại khoản 1 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có quy định:

"Khoản 1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp.

Khoản 4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án".

[4] Theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 30/06/2010 giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín với ông Bùi X H: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín cấp cho ông Bùi X H hạn mức tín dụng là 40.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.15%/ tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 52.883.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Ông H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 70.247.747 đồng. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 16/12/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 3.278.429 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 13/08/2018, ông Hồng còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc: 3.278.429 đồng
- Lãi quá hạn: 3.049.911 đồng
- Tổng cộng : 6.328.340 đồng (Sáu triệu ba trăm hai mươi tám ngàn ba trăm bốn mươi đồng)

[6] Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) được ký kết dựa trên sự tự nguyện của các bên, đảm bảo hình thức và nội dung, trình tự theo quy định pháp luật nên có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên ông Bùi X H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên việc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín khởi kiện yêu cầu ông Bùi X H trả số tiền 6.328.340 đồng (Sáu triệu ba trăm hai mươi tám ngàn ba trăm bốn mươi đồng), trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ.

Ông Bùi X H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn đối với khoản tiền nợ gốc, kể từ ngày 14/08/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Bùi X H phải chịu 316.417 đồng (Ba trăm mười sáu ngàn bốn trăm mười bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 91, Điều 147, khoản 1 Điều 207; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 290, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín đối với ông Bùi X H.

Buộc ông Bùi X H trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền 6.328.340 đồng (Sáu triệu ba trăm hai mươi tám ngàn ba trăm bốn mươi đồng), trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự thực hiện việc giao và nhận tiền tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí dân sự: Ông Bùi X H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 316.417 đồng (Ba trăm mười sáu ngàn bốn trăm mười bảy đồng).

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2017/0031684 ngày 27/03/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP H;
- VKSND H B;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. B
- Các đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

A G V